TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập –Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 391/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 10/10/2018
V/v: Xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Thanh Hoàng.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Lê Văn Phu;

2. Trần Thành Chúng.

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thảo Ngân** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Trong ngày **10** tháng **10** năm **2018** tại trụ sở Toà án nhân dân huyện A mở phiên toà xét sử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 291/2018/TLST – HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2018 về việc "*Xin ly hôn*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 464/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lương Thị Mỹ D, sinh năm: 1985.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng C, sinh năm: 1984

Cùng cư trú: tổ 4, ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang

Các đương sự có mặt phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và bản tự khai bà Lương Thị Mỹ D trình bày: Hôn nhân giữa bà và ông C là do tự tìm hiểu yêu thương nhau, được hai bên gia đình đồng ý đứng ra tổ chức lễ cưới vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V ngày 31/7/2008, vợ chồng có thu nhập ổn định. Kết hôn được 10 năm thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh. Nguyên nhân là do ông C không chăm lo vợ con, thiếu tôn trọng vợ nên thường xuyên cãi nhau, hai vợ chồng có khoảng cách không san lắp được. Cuối năm 2017 đã ly thân, nộp

đơn đến Tòa án nhưng được hòa giải. Nay nhận thấy không hàn gắn quay về chung sống được nên bà D nộp đơn kiên quyết ly hôn với ông C.

Về con chung: Bà và ông C thống nhất có 02 con chung tên Nguyễn Lương Diễm P, sinh ngày 12/5/2009 và Nguyễn Lương Phương A, sinh ngày 01/11/2015, hiện do bà D chăm sóc. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, *nợ chung*: Bà và ông C không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Nguyễn Hoàng C trình bày: Về điều kiện đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn ông đồng ý với lời trình bày của bà D, còn về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do ông mới vừa chuyển về nơi công tác mới, công việc nhiều nên hai vợ chồng không có thời gian chia sẻ dẫn đến có khoảng cách. Hai vợ chồng đã được Tòa án và gia đình hàn gắn nhưng không thành. Chúng tôi là ly thân hơn một năm nay, nhận thấy tình cảm vẫn còn nên không đồng ý ly hôn với bà D.

Về quan hệ con chung: Đồng ý với lời trình bày của bà D. Tuy nhiên, ông có nguyện vọng tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Lương Phương A, sinh ngày: 01/11/2015, ông không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, *nợ chung*: Ông và bà D không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay các bên bảo lưu ý kiến của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Bà D xin ly hôn với ông C. Ông C hiện đang cư trú tại huyện A, tỉnh An Giang. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà D và ông C có đăng ký kết hôn tại xã V, huyện A, tỉnh An Giang vào năm 2008 nên phát sinh trách nhiệm pháp lý, phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên, nên được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu của bà D xin được ly hôn với ông C, HĐXX xét thấy:

Bà D và ông C có 10 năm chung sống hạnh phúc và được 02 con chung. Tuy nhiên, trong thời gian hơn một năm nay thì vợ chồng lại phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai vợ chồng không có thời gian nói chuyện dẫn đến hiểu lầm, không thông cảm được cho nhau, tình cảm vợ chồng có khoảng cách không được hàn gắn kịp thời, bà đã một lần nộp đơn đến Tòa án nhưng nhưng được hòa giải, nay bà vẫn nộp lại cho thấy mâu thuẫn càng trầm trọng và dẫn đến ly hôn.

Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài do đó yêu cầu ly hôn của bà D là chính đáng và hoàn toàn có căn cứ để chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Bà D và ông C có 02 con chung Nguyễn Lương Diễm P, sinh ngày 12/5/2009, có nguyện vọng được tiếp tục sống với bà D, bà D và ông C đồng ý, HĐXX nghĩ nên chấp nhận nguyện vọng của cháu P; Riêng cháu Nguyễn Lương Phương A, sinh ngày 01/11/2015 thì bà D và ông C đều có nguyện vọng tiếp tục nuôi. Xét thấy, cháu Phương A từ khi ly thân đến nay đều do bà D chăm sóc nuôi dưỡng, tình cảm thật sự gắn bó, việc thay đổi chỗ ở đột ngột sẽ ảnh hưởng đến tâm lý và sự phát triển của cháu. Quan trọng hơn, cháu Phương A là con gái và chưa đủ 36 tháng tuổi.

Từ những căn cứ nêu trên, xét thấy cần tiếp tục giao cháu Phương A cho bà D chăm sóc, nuôi dưỡng và công nhận sự tự nguyện của bà D về việc không yêu cầu ông C phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp.

Hội đồng xét xử cũng giải thích cho bà D biết: Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định, sẽ có thay đổi khi có yêu cầu chính đáng của một hoặc cả hai bên và trong thời gian nuôi con bà phải có nghĩa vụ tạo điều kiện cho ông C đến thăm con chung, không ai cản trở ông C thực hiện quyền này.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà D và ông C xác định không có tài sản chung và nợ chung, nên không đề cập xem xét để giải quyết

Về án phí: Bà D phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

***Áp dụng**: Các Điều 51, 53, 56, điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.*

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lương Thị Mỹ D

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lương Thị Mỹ D được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng C.

Về con chung: Bà D được tiếp tục nuôi 02 con chung tên Nguyễn Lương Diễm P, sinh ngày: 12/5/2018; Nguyễn Lương Phương A, sinh ngày 01/11/2015. Công nhận tự nguyện của bà D không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Bà D và những người thân trong gia đình phải tạo điều kiện cho ông C đến thăm con chung, không ai được cản trở ông C thực hiện quyền này.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con không cố định sẽ thay đổi khi có yêu cầu chính đáng của một hoặc cả hai bên.

Về án phí: Bà Lương Thị Mỹ D phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm (được chuyển từ tiền tạm ứng án phí mà bà D đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A theo biên lai thu số 0009237 ngày 28/8/2018).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (10/10/2018) các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

(*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự).*

***Nơi nhận**:*
- VKS huyện;
- TAT An Giang;
- THA huyện;
- Các đương sự;
- Lưu VP;
- Lưu HS.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Thanh Hoàng